

## PHỤ LỤC A

### Bổ sung một số nội dung của Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

<b>E-ĐKC 44.1</b>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</li><li>Thời hạn thanh toán: trong vòng 14 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu. - Thông tin xuất hóa đơn: Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH. Địa chỉ: Số 01, Khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai Mã số thuế: 0300942001 – 067.</li><li>Phương thức thanh toán: <b>a. Thanh toán khối lượng hoàn thành giai đoạn:</b> Chủ đầu tư sẽ thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành giai đoạn của từng công trình tại các điểm dừng kỹ thuật được qui định trước trong phương án tiến độ thi công chi tiết do nhà thầu lập và được chủ đầu tư phê duyệt (tối đa 02 đợt nghiệm thu của từng công trình). - Hồ sơ thanh toán gồm cho đợt 1,2 :<ol style="list-style-type: none"><li>Biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn</li><li>Bảng xác nhận khối lượng hoàn thành giai đoạn</li><li>Hóa đơn GTGT (Bên B lập hóa đơn GTGT theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về hậu quả pháp lý do đơn vị mình lập ra)</li><li>Công văn đề nghị thanh toán</li><li>Phụ lục 03.a/TT, 03.c/TT nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ.</li></ol><b>b. Thanh toán sau khi hoàn thành công trình:</b> Sau khi tổng nghiệm thu công trình chủ đầu tư sẽ thanh toán số tiền phải trả tiếp theo nhưng không vượt quá 95% giá trị quyết toán từng công trình trong vòng 14 ngày làm việc kể từ ngày bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</li></ol>
-------------------	---

	<p>Hồ sơ thanh toán gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng</li> <li>2. Bảng quyết toán khối lượng hoàn thành</li> <li>3. Hóa đơn GTGT (Bên B lập hóa đơn GTGT theo đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm hoàn toàn về hậu quả pháp lý do đơn vị mình lập ra)</li> <li>4. Công văn đề nghị thanh toán</li> <li>5. Phụ lục 03.a/TT, 03.c/TT nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ.</li> <li>6. Bảo lãnh bảo hành của ngân hàng của từng công trình.</li> </ol>
<b>E-ĐKC 49.1</b>	<p>Mức phạt:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>(a) Phạt vi phạm thời gian hoàn thành công trình: Trễ (10) ngày đầu phạt 2%, trễ mỗi (10) ngày tiếp theo phạt thêm 0,8% giá trị phần HĐ bị vi phạm.</li> <li>(b) Phạt vi phạm thời công tác so với đăng ký công tác trong ngày cắt điện: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chậm trả điện 30 phút đầu tiên trong ngày cắt điện phạt 1% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</li> <li>+ Chậm trả điện 30 phút tiếp theo phạt thêm 0,5% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</li> </ul> </li> <li>(c) Phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận HĐ: Khi nhà thầu XD công trình không đạt chất lượng sẽ chịu mọi chi phí sửa chữa theo yêu cầu của CĐT và bị phạt 12% giá trị phần HĐ bị vi phạm. Trường hợp do sửa chữa kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục bị phạt vi phạm thời gian hoàn thành công trình như mục (a).</li> <li>(d) Nhà thầu không thực hiện hợp đồng hoặc bị chấm dứt hợp đồng bởi chủ đầu tư thì bị phạt 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</li> <li>(e) Sau 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng, nhà thầu chưa nộp hồ sơ quyết toán thì chịu phạt 1 khoản tiền với giá trị 0,2%/ số tiền giữ lại/01 ngày chậm.</li> </ol> <p>Mức phạt HĐ không vượt quá 12% giá trị phần HĐ bị vi phạm.</p>